

Số: 348 /TB-CTHADS

Long An, ngày 08 tháng 9 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**V/v kết quả lựa chọn tổ chức**  
**thẩm định giá tài sản thi hành án dân sự**

Căn cứ Điều 98 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc ban hành quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án;

Căn cứ Quyết định số 61/2011/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 123/QĐ-CTHA và số 120/QĐ-CTHA cùng ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-CTHADS ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất;

Căn cứ Thông báo số 474/TB-CTHADS ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá;

Căn cứ Đơn đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá số 0106/NOVA ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Công ty TNHH Thẩm định giá NOVA và hồ sơ năng lực kèm theo;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức thẩm định giá đối với Công ty TNHH Thẩm định giá NOVA ngày 08/...9./2022 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An,

Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh thông báo kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để thi hành án như sau:

**1. Kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá:** Tổ chức thẩm định giá được lựa chọn theo quy định của pháp luật là Công ty TNHH Thẩm định giá NOVA, địa chỉ trụ sở chính: Số 728-730 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ chi nhánh tại tỉnh Long An: A6-17 khu đô thị Trần Anh, khu phố 6, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**2. Tài sản thẩm định giá:** Quyền sử dụng đất thửa số 87, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế là 158.6m<sup>2</sup> (theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số-2019 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Thủ Thừa ký duyệt ngày 22/4/2019) tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ An, huyện Bến Lức, tỉnh Long An do ông Nguyễn Phước Tài đứng tên chủ sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 547014 do Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An cấp ngày 13/6/2001, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0156/QSDĐ/902.

Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh thông báo kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá như đã nêu trên và đề nghị tổ chức thẩm định giá được lựa chọn liên hệ Chấp hành viên Cục THADS tỉnh để thực hiện ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Các đương sự;
- Công ty TNHH Thẩm định giá NOVA;
- Đăng Công TTĐT Cục THADS;
- Lưu: VT, HSTHA.



**Võ Văn Xuân**



TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN**  
(Vụ Nguyễn Phước Tài theo Thông báo số 474/TB-CTHADS ngày 31/8/2022 của Chấp hành viên Cục THADS tỉnh Long An về việc lựa chọn tổ chức TĐG)

Hồ sơ năng lực của Công ty TNHH Thẩm định giá NOVA

| STT      | NỘI DUNG  | TIÊU CHÍ LỰA CHỌN              | ĐIỂM CHUẨN | ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC | GHI CHÚ   |
|----------|---|--------------------------------|------------|---------------|---|
| (1)      | (2)   | (3)                            | (4)        | (5)           | (6)   |
|          | <b>TỔNG</b>   |                                | <b>100</b> | <b>88</b>     |   |
| <b>I</b> | <b>Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)*</b>   |                                | <b>15</b>  | <b>14</b>     |   |
| 1        | Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản | <b>Có 02 chi nhánh trở lên</b> | <b>5</b>   | <b>5</b>      | 1. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp;<br>2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; |
|          |   | Chỉ có 1 chi nhánh             | 4          |               | 3. Thông báo của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh danh sách doanh nghiệp thẩm định                             |
|          |   | Không có chi nhánh             | 3          |               |   |
|          |   | <b>Trên 07 thẩm định viên</b>  | <b>5</b>   |               |   |
|          | Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề                       | Từ 05 đến 07 thẩm định viên    | 4          |               |   |
| 2        |   | Dưới 05 thẩm định viên         | 3          |               |   |



|   |   |  |           |           |   |
|---|---|--|-----------|-----------|---|
| 3   | Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá  | <i>Trên 05 năm</i>   | 5         | 5         | Giá và nhân sự thẩm định viên về giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản hàng năm. |
|   |   | Từ 03 đến 05 năm   | 4         |           |   |
|   |   | Dưới 03 năm  | 3         |           |   |
| <b>II Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)</b> |   |  | <b>60</b> | <b>59</b> |   |
| 1   | Hồ sơ thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo thẩm định giá | Trên 30 hồ sơ  | 15        | 15        |   |
|   |   | Từ 20 đến 30 hồ sơ   | 14        |           |   |
|   |   | Dưới 20 hồ sơ  | 13        |           |   |
|   |   | <b>Không bị xử phạt vi phạm hành chính</b>                               | <b>10</b> |           |   |
| 2   | Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá  | Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính     | 9         | 10        |   |
|   |   | Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong         | 8         |           |   |
|   |   | Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính                        | 0         |           |   |
|   |   | <b>Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá</b> | <b>5</b>  |           |   |
| 3   | Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá  | Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá    | 4         | 5         |   |
|   |   | Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá         | 3         |           |   |
|   |   |  |           |           |   |





|     |  |   |           |    |  |
|-----|--|---|-----------|----|--|
| 4   | Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá                                   | <b>Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình</b>          | <b>10</b> | 10 |  |
|     |  | Trong thời hạn 03 đến 05 ngày làm việc  | 9         |    |  |
|     |  | Trên 05 ngày làm việc   | 8         |    |  |
| 5   | Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hoạt động thẩm định giá   | <b>Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu</b> | <b>10</b> | 10 |  |
|     |  | Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu               | 9         |    |  |
|     |  | Không có phần mềm   | 0         |    |  |
|     |  | <b>Từ 80 điểm trở lên</b>   | <b>10</b> |    |  |
| 6   | Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố | Từ 70 đến dưới 80 điểm  | 9         | 9  |  |
|     |  | Từ 60 đến dưới 70 điểm  | 8         |    |  |
|     |  | <b>Năng lực tài chính</b>   | <b>15</b> |    |  |
| III | Có biểu giá dịch vụ được ban hành công khai trên Website của Công ty   |   | 5         | 5  |  |
|     |  |   | 5         |    |  |
| 2   | Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây  | <b>Thấp nhất trong các hồ sơ đăng ký</b>  | <b>5</b>  | 5  |  |
|     |  | Thấp thứ 2  | 4         |    |  |
|     |  | Thấp thứ 3  | 3         |    |  |
|     |  | Thấp thứ 4  | 2         |    |  |
|     |  | Thấp thứ 5 trở đi   | 1         |    |  |







|    |  |                      |    |   |  |
|----|--|----------------------|----|---|--|
| 3  | Doanh thu bình quân từ dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá trên báo cáo tài chính 03 năm gần nhất                   | <b>Trên 5 tỷ/năm</b> |    | 5 |  |
|    |  |                      | 5  |   |  |
|    |  | Từ 3-5 tỷ/năm        | 4  |   |  |
|    |  | Từ 1-3 tỷ/năm        | 3  |   |  |
|    | Dưới 1 tỷ/năm  | 2                    |    |   |  |
| IV | <b>Tiêu chí khác</b> (doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương; ...) |                      | 10 |   |  |

Long An, ngày 08 tháng 9 năm 2022

**CHẤP HÀNH VIÊN**



Võ Văn Xuân



